

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN



NGUYỄN THÙY NƯƠNG

**PHỦ ĐỊNH SIÊU NGÔN NGỮ  
TRONG TIẾNG VIỆT**

**Ngành: Ngôn ngữ học**

Mã số: 9229020

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

**Thành phố Hồ Chí Minh - 2024**

Công trình được hoàn thành tại  
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn –  
ĐHQG-HCM

Người hướng dẫn khoa học:  
GS.TS. NGUYỄN ĐỨC DÂN

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cơ sở đào  
tạo họp tại:.....

.....

vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... Năm...

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:**

- Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM
- Thư viện Đại học Quốc gia Tp. HCM
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp. HCM

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

<b>STT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Năm</b>	<b>Nơi công bố</b>
<b>1</b>	Nguyễn Thùy Nương, Nghiên cứu cấu trúc phủ định vị ngữ của phủ định kép tiếng Việt (A construction study of negative object in Vietnamese double negation).	<b>2019</b>	Hội thảo quốc tế “Các vấn đề Ngôn ngữ học Việt Nam và Đông Nam Á”. Nxb ĐHQG TPHCM năm 2019. ISBN: 978-604-73- 6936-2
<b>2</b>	Nuong Nguyen Thuy <sup>1,*</sup> Hai Tran Quang <sup>2</sup> , Analysis of EFL Students' Mistakes Towards Negation Structures in English, <b>DOI:</b> <a href="https://doi.org/10.2991/assehr.k.211224.036">10.2991/assehr.k.211224.036</a> <b>ISSN (Online):</b> 2352-5398 ISI index, part of Springer Nature.	<b>2021</b> <b>(25- 12- 2021)</b>	<b>Atlantis Press,</b> <i>Advances in Social Science, Education and Humanities Research, volume 621, 18th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning (AsiaCALL–2- 2021), pp.373-379.</i>
<b>3</b>	Nguyễn Thùy Nương, Phủ định và tiêu điểm trong tiếng Việt.	<b>2021</b>	Kỷ yếu “Hội thảo liên ngành về Ngôn ngữ và giảng dạy Ngôn

			ngữ lần VI”, Nxb ĐH Huế. PDF 2020 (4/2021). ISBN: 978-604-974- 912-4
<b>4</b>	Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Thùy Nương, “Phủ định ngôn ngữ, phủ định logic và câu bác bỏ”	<b>2022</b>	Tạp chí Ngôn ngữ, số 5, 2022. ISSN:0866- 7519
<b>5</b>	Nguyễn Thùy Nương, “Tiểu từ và tiểu từ tiêu điểm trong tiếng Việt”	<b>2018</b>	Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 8 (275) 2018. ISSN:0868-3409
<b>6</b>	Nguyễn Thùy Nương, Tiêu điểm và kết hợp của tiêu điểm trong tiếng Việt, Kỷ yếu “Một số vấn đề Khoa học xã hội và Nhân văn”	<b>2018</b>	Hội thảo khoa học Sau đại học năm 2018, Nxb ĐHQG TPHCM. ISBN: 978-604-73- 6622-4

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong triết học, bất cứ sự vật hiện tượng nào trên thế giới cũng đều trải qua quá trình sinh ra, phát triển và diệt vong. Khi sự vật cũ mất đi thì được thay thế bởi sự vật mới. Sự thay thế đó là tất yếu của quá trình vận động, phát triển. Triết học gọi sự tất yếu đó là nguyên lí phủ định. Nguyên lí cơ bản nhất của sự phát triển đó chính là nguyên lí của phủ định. Triết học Marx cho rằng, phủ định biện chứng là phạm trù triết học dùng để chỉ sự phủ định tự thân, sự phát triển tự thân, là tiền đề - điều kiện cho sự phát triển liên tục, dẫn tới sự ra đời của sự vật mới, tiến bộ hơn sự vật cũ.

Trong logic, phủ định là một thao tác cơ bản, để nhờ đó mà từ một phán đoán này người ta sẽ tạo ra một phán đoán mới sao cho nếu phán đoán xuất phát là chân lí thì sự phủ định ấy sai, còn nếu phán đoán xuất phát sai thì sự phủ định là chân lí. Sự phủ định phán đoán được xác định trên một quy tắc duy nhất: nếu phán đoán [P] là đúng thì phán đoán [P] là sai và ngược lại.

Trong ngôn ngữ, phủ định, cùng với khẳng định là một thao tác hành vi nhận thức tình thái của con người đối với hiện thực cũng như đối với những điều được nói ra. Chính vì thế, phủ định được coi là một hiện tượng ngôn ngữ phổ quát trên thế giới. Phủ định trong ngôn ngữ được dễ dàng xác định thông qua các phương tiện biểu đạt là những từ/ cụm từ mang nghĩa phủ định. Những phương tiện này được gọi là tác tử phủ định. Tuy nhiên, hành vi phủ định không chỉ dừng lại ở các chỉ tố đánh dấu là các tác tử phủ định, mà nó còn dùng các khuôn định ngôn ngữ khác để biểu đạt. Cùng với đó, từ nguồn ngữ liệu tự nhiên, các nhà nghiên cứu phủ định

*Phủ định siêu ngôn ngữ* (Metalinguistic Negation) là khái niệm đặt trong sự đối lập với *Phủ định miêu tả* (Descriptive Negation), là một khái niệm thu hút sự chú ý từ những trường phái nghiên cứu của triết học, logic và ngôn ngữ; và riêng các bình diện ngôn ngữ chúng đã được quan tâm từ hầu hết các khía cạnh (ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng). Đã có các bình diện đa dạng được nghiên cứu và thảo luận từ phạm trù này; từ bản chất đến phân loại, từ những hạn chế đến phạm vi giới hạn, từ tiêu điểm của phủ định đến phân cực phủ định; từ các cơ chế ngữ pháp đến cơ sở ngữ nghĩa và các chức năng dụng học.

Vậy bản chất của hiện tượng “phủ định siêu ngôn ngữ” là gì? Có bao nhiêu dạng thức của hiện tượng này? Những biểu hiện tầng sâu về điều

kiện chân trị, hàm ngôn hội thoại, mơ hồ ngữ nghĩa, mơ hồ ngữ dụng của hiện tượng ra sao? Cũng như những giá trị khi hành chức của chúng với các bình diện cú pháp, ngữ nghĩa, và ngữ dụng được biểu hiện như thế nào? Đây cũng là những vấn đề được đặt ra cho đề tài nghiên cứu, và chúng tôi mong muốn có thể giải đáp thoả đáng trong công trình của mình.

Như vậy, có thể thấy phủ định là một hiện tượng có tầm tác động trên nhiều bình diện của đời sống. Nghiên cứu về phủ định trong ngôn ngữ đã xuất hiện từ lâu, như là một minh chứng cho sự quan tâm cần thiết về vấn đề này. Tuy nhiên, giới hạn trong một phạm trù phủ định thôi là chưa đủ cho những nhu cầu khai thác nghiên cứu ngôn ngữ học hiện nay. Nhằm làm rõ sự đối cực giữa “phủ định miêu tả” và “phủ định siêu ngôn ngữ”; đi sâu hơn vào nghiên cứu một phạm trù đặc thù của phủ định là “phủ định siêu ngôn ngữ” trên nhiều tầng bậc của ngữ liệu tiếng Việt cũng là vấn đề mà chúng tôi mong muốn được thực hiện ở công trình này. Đó là lí do để chúng tôi quyết định chọn đề tài “*Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt*” cho luận án tiến sĩ của mình.

## 2. *Lịch sử nghiên cứu*

### 2.1. *Tình hình nghiên cứu phủ định trên thế giới*

#### 2.1.1. *Phủ định*

Nghiên cứu về phủ định đã được quan tâm từ lâu, với nhiều hướng tiếp cận từ nhiều quan điểm khác nhau. Năm 1917, Otto Jespersen đã viết cuốn “*Phủ định trong tiếng Anh và các ngôn ngữ khác*”, đây là một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên về câu phủ định một cách hệ thống theo quan điểm ngôn ngữ so sánh lịch đại, với nhiều dạng thức phủ định được đưa ra như phủ định trực tiếp, phủ định gián tiếp, phủ định mở rộng, phủ định thành ngữ, v.v. Ông cũng là người nổi tiếng với nghiên cứu phạm trù “chu kỳ của Jespersen” (Jespersen’s cycle) được dùng để nghiên cứu lịch sử phát triển cũng như miêu tả các biểu đạt của phủ định trong nhiều ngôn ngữ khác nhau; cho đến ngày nay nhiều nghiên cứu về phủ định vẫn chịu ảnh hưởng của lý thuyết này.

Những nghiên cứu chung về phủ định cùng tất cả các hiện tượng quan yếu của nó được các nhà ngữ học tập trung sau này. Chúng ta có thể nhìn tổng quan các bình diện nghiên cứu về phủ định như sau:

Thứ nhất, về ngữ pháp của phủ định, đây là khía cạnh được quan tâm từ rất sớm, có thể kể tới các công trình nghiên cứu về “Typological

studies in Negation” của Peter Kahrel (Ed.), René van den Berg (Ed.) năm 1994, công trình “Negation in gapping” (Phủ định trong tỉnh lược trung tâm) của Liliane Haegeman năm 1995, cuốn “The syntax of negation” của Liliane Haegeman (1995), “Negation and interrogation” của Elke Hentschel năm 1998, “Sentential negation and negative concord” của Zeijlstra năm 2004, “Negation raising : logical form and linguistic variation” của Moscati, Vincenzo năm 2011, “Classical NEG Raising: An Essay on the Syntax of Negation” của Chris Collins, Paul M. Postal năm 2014.

Thứ hai, về ngữ nghĩa của phủ định, công trình đáng phải nhắc tới là “Meaning and Negation” của Steven B. Smith năm 1978, “Negation and Polarity: Syntax and Semantics” của nhóm tác giả Danielle Forget, Paul Hirschbühler, France Martineau, María Luisa Rivero (Eds.) năm 1997.

Thứ ba, cuối cùng là diện ngữ dụng của phủ định, lịch sử nghiên cứu ghi nhận có khá nhiều nhà ngữ học quan tâm tới mặt hành chức của phủ định ở “Negation: A Notion in Focus (Perspectives in Analytical Philosophy, Bd 7)” của Heinrich Wansing năm 1996, “The Pragmatics of Negation: Negative Meanings, Uses and Discursive Functions” của Malin Roitman năm 2017.

Đặc biệt, chúng tôi rất quan tâm tới những công trình nghiên cứu tổng quan trên nhiều bình diện của phủ định, trong đó phải kể tới công trình “Negation and Polarity: Syntactic and Symantic Perspectives” của Laurence R. Horn, Yasuhiko Kato năm 2000, “What is Negation?” của Dov M. Gabbay, Heinrich Wansing (eds.), “A Natural History of Negation” của Laurence R. Horn năm 2001, “The Expression of Negation” của Laurence R. Horn năm 2010, “The Oxford Handbook of Negation” của Viviane Déprez; M. Teresa Espinal năm 2020. Đặc biệt, Laurence R. Horn với nhiều nghiên cứu quan trọng của mình, ông đã tạo ra trường nghiên cứu riêng về phủ định, để từ đó nhiều nghiên cứu sau này hoặc tiếp nối quan điểm, hoặc bàn luận phản biện với nhiều hướng tiếp cận mới.

### ***2.1.2. Phủ định siêu ngôn ngữ***

Khái niệm ***Phủ định siêu ngôn ngữ*** được đề xuất đầu tiên bởi nhà ngữ học người Pháp - Oswald Ducrot (1972/1973), với công trình nghiên cứu “*Dire et ne pas dire*”, chính Ducrot cũng là người có công đầu tiên phân biệt phủ định miêu tả với phủ định siêu ngôn ngữ.

Nhưng khái niệm này lại được phát triển mạnh và được biết tới rộng rãi là bởi công lao của nhà ngữ học người Mỹ Laurence Horn (1985,

1989) với các công trình “*Phủ định siêu ngôn ngữ và mơ hồ ngữ dụng*” năm 1985, “*Lịch sử tự nhiên của Phủ định*” (A natural history of negation) (1989). Horn là nhà ngữ học Mỹ chuyên về ngữ nghĩa và ngữ dụng, trong số các công bố của mình, ông đồng thời cũng nổi tiếng với các công trình về Phủ định trên nhiều khía cạnh khác; chẳng hạn “*Phủ định và cực tính: bình diện Cú pháp và Ngữ nghĩa*” (2000) hay “*Những biểu đạt của Phủ định*” (2010). Và chính Horn là người đã tạo nên trường phái đầu tiên của *Phủ định siêu ngôn ngữ* trên thế giới - trường phái Anglo-saxon.

Trên thế giới, sau Horn (1985, 1989), phạm trù “*phủ định siêu ngôn ngữ*” được nhiều nhà ngữ học nghiên cứu và công bố. Tập trung nhất là những vấn đề tổng quan minh định cho khái niệm “*phủ định siêu ngôn ngữ*”, chẳng hạn như “*Bản chất và phân loại phủ định siêu ngôn ngữ*” của Canzhong Jiang (2015), hoặc phân biệt nội hàm và ngoại vi các khái niệm quan yếu như “*Phủ định siêu ngôn ngữ khác phủ định miêu tả như thế nào?*” của Lee Chung Min (2009), “*Phủ định, phạm vi và sự khác biệt giữa miêu tả/ siêu ngôn ngữ*” của Jacques Moeschler (2010), “*Giới hạn ngôn ngữ trong phủ định siêu ngôn ngữ: bằng chứng từ tiếng Trung quan thoại và tiếng Anh*” của Wible David & Eva Chen (2000). Bên cạnh việc làm rõ hai cặp phạm trù đối lập là phủ định miêu tả và phủ định siêu ngôn ngữ, các tác giả cũng quan tâm phân biệt phủ định tương phản và phủ định siêu ngôn ngữ, chúng ta có công trình “*Phủ định tương phản và phủ định siêu ngôn ngữ*” của James D. Mc Cawley (1991).

Thứ nhất, về **bình diện ngữ nghĩa**, các nghiên cứu về phủ định siêu ngôn ngữ ghi nhận các công trình công bố với chủ đề “tình thái” của G. Puskas năm 2018 với nghiên cứu “To wish or not to wish: Modality and metalinguistic negation”. Cũng năm 2018, chúng tôi thấy có nghiên cứu của Jacques Moeschler cũng đề cập tới khía cạnh ngữ nghĩa của phủ định siêu ngôn ngữ, đó là công bố có chủ đề “A set of semantic and pragmatic criteria for descriptive vs metalinguistic negation”.

Thứ hai, ở **bình diện ngữ dụng**, có thể nói đây là địa hạt được chú ý nhiều nhất của “*phủ định siêu ngôn ngữ - Metalinguistic Negation*”, chủ yếu các nhà nghiên cứu tập trung vào “bút chiến/ tranh biện” (polemic) và cách dùng siêu ngôn ngữ của phủ định. Về việc phân biệt các cách dùng siêu ngôn ngữ, đáng nhắc tới là các công trình của Larrivée và Moeschler. Pierre Larrivée là nhà ngữ học người Pháp có rất nhiều công bố về phủ định, nhất là nghiên cứu về các phương tiện và hình thức biểu đạt trong tiếng Pháp, trong đó phải kể đến công trình năm 2011b “*Định nghĩa về phủ định siêu ngôn ngữ*” (La définition de la négation métalinguistic); bên



cạnh đó ông cũng nghiên cứu về lý thuyết đa thanh hay môtip ngữ dụng của “chu kỳ Jespersen”, tính phân cực của phủ định cùng các thành tố biểu hiện nó. Cũng trong trường phái ngữ học Pháp, còn có Jacques Moeschler, ông nghiên cứu nhiều về các bình diện ngữ dụng của phủ định, các biểu đạt của phủ định, đặc biệt ông nghiên cứu sâu về phủ định siêu ngôn ngữ khi phân biệt nó với phủ định miêu tả với hai công trình 2013a (How “logical” are logical words? Negation and its descriptive vs. Metalinguistic uses) và 2013b (Négation, portée et distinction négation descriptive/métalinguistique). Sau này, chính các nhà nghiên cứu ngữ học Pháp trên đã tạo ra trường phái thứ hai về phủ định siêu ngôn ngữ - trường phái Pháp ngữ, trường phái này bổ sung nhiều định hướng nghiên cứu mới bổ sung cho địa hạt *phủ định siêu ngôn ngữ*.

Cùng ở diện ngữ dụng, chúng ta có thể kể tới phần “**mơ hồ ngữ dụng**” trong các công trình “*Phủ định siêu ngôn ngữ và mơ hồ ngữ dụng*” của Horn (1985, 1989), “*Phủ định siêu ngôn ngữ và mơ hồ ngữ dụng: Một vài ý kiến cho đề xuất của Horn*” do Ad Foolen (1990) công bố, hoặc “*Định hướng ngữ dụng tri nhận của phủ định siêu ngôn ngữ*” của Akiko Yoshimura (2001).

Bên cạnh đó là các công trình tìm hiểu về đặc trưng **chức năng chân trị hay tiền giả định** như “*Chức năng chân trị của phủ định siêu ngôn ngữ: bằng chứng từ tiếng Hàn*” (1996) của Robyn Carston & Eun Ju Noh, đặc biệt là nghiên cứu “*Vô hiệu hoá tiền giả định và phủ định siêu ngôn ngữ: lời đáp cho Carston*” (Presupposition-Cancellation and Metalinguistic Negation: A reply to Carston) của Noel Burton-Roberts năm 1999. Chúng tôi cũng quan tâm tới bài viết “*Làm thế nào để bác bỏ tiền giả định?*” của Ariel Cohen - K. Turner và K. von Heusinger (2006). Nhà nghiên cứu người Anh, Robyn Carston là một người có nhiều công bố về phủ định siêu ngôn ngữ, bà cũng đặt mối quan tâm của mình về tiền giả định với các công trình “*Phủ định, tiền giả định và sự lhu biệt ngữ nghĩa học/ ngữ dụng học*” năm 1996, “*Phủ định, tiền giả định và siêu biểu hiện: một phản hồi tới Noel Burton-Roberts*” năm 1999, hay “*Ngữ dụng của phủ định*” năm 2002.

Một khía cạnh ngữ dụng vô cùng thú vị được các học giả quan tâm đó là **hàm ý** khi sử dụng phủ định và phủ định siêu ngôn ngữ. Các nghiên cứu mà chúng ta phải kể tới như là “*Hàm ý thang độ khi phủ định siêu ngôn ngữ hàm ẩn*” (Scalar implicatures as implicit Metalinguistic negation) của Jae-il Jeom năm 2006, ở nghiên cứu này Jae-il đã đưa ra góc nhìn về hàm ý theo quan điểm của phái Grice-mới, và quan điểm của ông khi xem

phủ định siêu ngôn ngữ là hành vi có nghĩa hàm ẩn. Trong khi đó, Laura Devlesschouwer (2018) cũng đưa ra “*Quan điểm mới về hàm ý thang độ trong phủ định*” (A new look at scalar implicature under negation). Lee Chung Min 2008 đã đặt vấn đề hàm ý thang độ là diễn giải ngữ dụng hay ngữ pháp trong công trình “*Scalar Implicatures: Pragmatic Inferences or Grammar?*”. Bart Geurts năm 2009 lại xem xét vai trò của “*Hàm ý thang độ và ngữ dụng học cục bộ*” (Scalar implicature and Local pragmatics).

Ngoài ra, một trong những khía cạnh về dụng học và hành vi ngôn ngữ, đó là mối tương quan giữa phủ định siêu ngôn ngữ với phát ngôn **nói vọng** (echoic use), đặc biệt, Robyn Carston đã có một nghiên cứu quan trọng về nói vọng như “*Phủ định siêu ngôn ngữ và cách nói vọng*” năm 1994. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thấy Yoshiharu Kumagai (1995) cũng đóng góp thêm về nói vọng và hoạt động của phủ định siêu ngôn ngữ với nghiên cứu “*Phủ định siêu ngôn ngữ, câu hỏi vọng và lời châm biếm: Từ quan điểm của lý thuyết quan yếu*” (Metalinguistic Negation, Echo questions and Verbal Irony: From a Relevance Theoretic Point of View). Sau này, Inés Olza (2017) đã giành một chương 2 trong “The pragmatics of Negation” để trình bày về “*Phủ định siêu ngôn ngữ và nói vọng hiển ngôn với thể hiện của tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha*”, đây cũng là một nghiên cứu bổ sung về hành vi nói vọng trong liên hệ với phủ định.

Các vấn đề nghiên cứu về diện ngữ dụng của phủ định siêu ngôn ngữ tiếp tục được mở rộng với mối tương quan các **hành vi phủ nhận, bác bỏ**; chúng tôi thấy có công bố của Wayne Davis (2011) với đề tài “*Phủ định siêu ngôn ngữ, phủ nhận/ bác bỏ và những thành ngữ*” (“Metalinguistic” negation, denial, and idioms), ở đây tác giả gọi là “phủ định bất quy tắc” (irregular negation). Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tìm thấy công bố mang tựa đề “*Phủ nhận siêu ngôn ngữ và những điều kiện hữu hiệu của nó*” (Metalinguistic denial and It’s felicity conditions). Đặc biệt chúng tôi quan tâm tới hai nghiên cứu về hành vi phủ nhận/ bác bỏ (denial), đó là “*Cơ chế của phủ nhận*” (The Mechanisms of Denial) của Bart Geurt năm 1998 và “*Phủ nhận trong diễn ngôn*” (Denial in discourse) của Rob van der Sandt và Emar Maier năm 2003; hai công trình này đã bổ sung quan điểm cho cơ chế “phản bác lại phát ngôn trước đó” của phủ định siêu ngôn ngữ, khi xác định mối quan hệ giữa “denial” và “metalinguistic negation”.

Về bình diện **cú pháp**, đáng kể tới công bố của Ana Maria Martins năm 2014 mang tên “*Có bao nhiêu phần cú pháp trong phủ định siêu ngôn ngữ*” (How much syntax is there in metalinguistic negation), hay một

nghiên cứu khác của bà năm 2021 là “*Thế cấu trúc cú pháp trong phủ định siêu ngôn ngữ*” (Syntactic aspects of metalinguistic negation). Nghiên cứu về cú pháp của phủ định thì chúng ta đã có nhiều công trình, tuy nhiên với phủ định siêu ngôn ngữ thì Ana Maria Martins là người hiếm hoi quan tâm đến. Bên cạnh đó, ta có thể nhắc tới “*Phủ định và phân cực: bình diện cú pháp và ngữ nghĩa*” của Horn, Laurence - Yasuhiko Kato năm 2000, đây là một nghiên cứu đề dẫn có áp dụng cho phủ định siêu ngôn ngữ.

Trong phạm vi nghiên cứu các ngôn ngữ Đông Á và Đông Nam Á, chúng tôi nhận thấy có các nghiên cứu từ các tác giả nổi bật như sau: Lee, Chung Min với một loạt các công trình về khái niệm phủ định siêu ngôn ngữ cũng như hoạt động hành chức của nó trong tiếng Hàn, tiếng Anh. Tiêu biểu là các công bố như “*Phủ định siêu ngôn ngữ khác phủ định miêu tả như thế nào?*” do Lee, Chung Min viết năm 2009, hay như “*Information Structure in PA/SN or Descriptive/Metalinguistic Negation: with reference to Scalar implicatures*” năm 2010, hoặc nghiên cứu “*Metalinguistically Negated vs Descriptively Negated adverbials: ERP and other evidence*” năm 2016, v.v.

Đối với tiếng Nhật, chúng tôi ghi nhận được một số công trình của Akiko Yoshimura (1995) như “*Điểm nhìn thủ pháp của phủ định siêu ngôn ngữ*”, hay “*Mục đích cách dùng siêu ngôn ngữ của phủ định - một đặc tính hợp nhất từ quan điểm quá trình tri nhận*” (2000). Bên cạnh đó là tác giả Takashi Yoshida (2004) với công trình “*Made và phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Nhật*”.

Bên cạnh đó, phủ định siêu ngôn ngữ cũng được quan tâm nghiên cứu trong một số ngôn ngữ Đông Nam Á như “*External negation in Malay/Indonesian*” (Phủ định ngoại tại trong tiếng Malay/Indonesian) của tác giả Paul Kroeger in trong Graduate Institute of Applied Linguistics & SIL Intl năm 2014.

## **2.2. Tình hình nghiên cứu phủ định trong tiếng Việt**

### **2.2.1. Phủ định**

Tại Việt Nam, những công trình đề cập tới “phủ định” đã và đang dừng lại ở phạm vi nghiên cứu là “Phủ định miêu tả” (Discriptive Negation) qua các nghiên cứu về câu phủ định, phương thức phủ định, các tác tử phủ định. Trong các công trình này, các bình diện về ngữ pháp, cú

pháp – ngữ nghĩa, các lĩnh vực khác nhau của phủ định cũng đã được quan tâm nghiên cứu.

Câu phủ định là một khái niệm được các nhà ngôn ngữ học Việt Nam đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu Việt ngữ học, Trong Việt ngữ học, các công trình ngữ pháp đều đề cập đến câu phủ định ở mức độ khác nhau như “*Việt Nam văn phạm*” của Trần Trọng Kim (1937), “*Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*” của Lê Văn Lý (ấn bản 1948), Hoàng Tuệ (1962), “*Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*” của Trương Văn Chình-Nguyễn Hiến Lê (1963), “*Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*” của Nguyễn Kim Thản (1964), “*Ngữ pháp tiếng Việt – Câu*” của Hoàng Trọng Phiến (1980), “*Ngữ pháp tiếng Việt*” (1983, 1984) của Diệp Quang Ban, “*Ngữ pháp Việt Nam*” của Diệp Quang Ban (2004), “*Câu tiếng Việt*” của Nguyễn Thị Lương (2009), v.v.

Các công trình ngữ pháp tiếng Việt đầu tiên đã nêu ra vai trò của các **từ phủ định** (sau này thường gọi là các **tác tử phủ định**), Trương Văn Chình - Nguyễn Hiến Lê (1963) gọi là “phó từ phủ định”, trong đó, hai ông đã chỉ ra những trường hợp sử dụng cụ thể của các phó từ phủ định trong đối lập với phó từ xác định, và nhất là chỉ ra những phương thức đặc thù của riêng tiếng Việt như cách gọi “lược ý phủ định” hay “dùng từ phủ định mà không có ý phủ định”.

### 2.2.2. *Phủ định siêu ngôn ngữ*

Khái niệm “*phủ định siêu ngôn ngữ*” lần đầu được nhắc tới trong nghiên cứu về phủ định ở Việt Nam là trong mục 3 (chương X, phần III) cuốn “*Lô-gích, ngữ nghĩa, cú pháp*” năm 1987 của Nguyễn Đức Dân. Sau đó, khái niệm này tiếp tục được nhắc lại trong công trình “*Lôgich và tiếng Việt*” (xuất bản lần đầu năm 1996 và các lần tái bản sau đó).

Như vậy, cho tới nay, chúng tôi thấy rằng chưa có công trình nào đề cập và cũng như phân tích khái niệm “*Phủ định siêu ngôn ngữ*” trong tiếng Việt một cách hệ thống, cũng như phân biệt chúng trong đối cực với Phủ định miêu tả; hay làm rõ những giá trị tương liên trên những bình diện cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng khác nhau của hiện tượng này.

Các trường phái và những nghiên cứu trên đây, từ quốc tế đến trong nước, chúng tôi đều cố gắng tổng hợp, miêu tả, phân tích và áp dụng vào ngữ liệu tiếng Việt, để từ đó có thể trình bày một cách hệ thống về đặc trưng và các biểu hiện của “*phủ định siêu ngôn ngữ*” trong tiếng Việt.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của đề tài là xác định và làm rõ các đặc điểm của hiện tượng Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, Luận án cũng xác định và làm rõ hiện tượng Phủ định siêu ngôn ngữ trong một số ngôn ngữ khác, để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt về cách thức biểu đạt hiện tượng này giữa các ngôn ngữ. Quan trọng nhất, từ những phân tích, chúng tôi mong muốn tìm ra những đặc trưng và sự biểu hiện của hiện tượng này trong tiếng Việt, cũng như các hoạt động hành chức đặc thù của nó trong cú liệu ngôn ngữ tự nhiên.

### **4. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận án đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- (a) Công trình của chúng tôi trước tiên sẽ khái quát các công trình đã có trong và ngoài nước để xác lập một cách hệ thống về khái niệm Phủ định siêu ngôn ngữ.
- (b) Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ khảo sát, phân tích, tìm hiểu sâu hiện tượng Phủ định siêu ngôn ngữ trong ngữ liệu tự nhiên tiếng Việt, để tìm ra những đặc trưng và các hoạt động hành chức của hiện tượng này trong tiếng Việt.
- (c) Khảo sát, phân tích hiện tượng Phủ định siêu ngôn ngữ trong một số ngôn ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), từ đó so sánh hiện tượng với việc thể hiện trong tiếng Việt. Điều này là để tìm ra vai trò và hoạt động hành chức đặc trưng của phủ định siêu ngôn ngữ trên ngữ liệu tiếng Việt, từ đó sẽ củng cố thêm về bản chất của Phủ định siêu ngôn ngữ.

## **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **5.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là hiện tượng phủ định siêu ngôn ngữ (Metalinguistic Negation) trong ngữ liệu tự nhiên của tiếng Việt. Đây là một loại phủ định thường được sử dụng trong ngôn ngữ tự nhiên, và có biểu hiện đặc thù trên các bình diện cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng. Việc nghiên cứu phủ định và phủ định siêu ngôn ngữ trên cơ sở tính toàn diện, đa chiều kích của nó sẽ cho phép ta hiểu sâu hơn về hiện tượng phổ quát này trong tiếng Việt.

## 5.2. Phạm vi nghiên cứu

Với đối tượng nghiên cứu là hiện tượng phủ định siêu ngôn ngữ (Metalinguistic Negation), đề tài chúng tôi xác định giới hạn khảo sát là trong ngôn ngữ tự nhiên tiếng Việt, cụ thể nguồn ngữ liệu hiện tượng lấy từ các văn bản thuộc nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau như văn học nghệ thuật, phim truyện truyền hình, quảng cáo, các kênh truyền thông, mạng xã hội, v.v. Từ đó, chúng tôi có thể tập trung làm rõ khái niệm, bản chất của khái niệm cùng các biểu đạt đặc trưng của từng loại nhóm Phủ định siêu ngôn ngữ trong hoạt động hành chức tiếng Việt. Bên cạnh đó, đề tài có sự đối chiếu về hiện tượng giữa tiếng Việt với tiếng Anh và một vài ngôn ngữ khác để tập trung làm rõ những nét đặc thù của hiện tượng này trong tiếng Việt.

## 6. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu, chúng tôi áp dụng các phương pháp chủ yếu như sau:

- Phương pháp *miêu tả, phân tích* để tìm hiểu, xem xét các bản chất, chức năng, các phân tầng nhóm, các bình diện tương liên Cú pháp – Ngữ nghĩa – Ngữ dụng của Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt.

- Phương pháp *so sánh*, để nhận diện những nét tương đồng và dị biệt giữa Phủ định miêu tả và Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt, và sử dụng phương pháp *đối chiếu* hiện tượng Phủ định siêu ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

Ngoài ra, đề tài nghiên cứu còn sử dụng thao tác *tổng hợp, khái quát* trong quá trình nghiên cứu để đưa ra những nhận xét, đánh giá, đề xuất về các nhóm hay các hành vi biểu đạt Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt và tiếng Anh.

## 7. Đóng góp của nghiên cứu

Hiện tượng phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên luôn là những hiện tượng đặc thù của từng ngôn ngữ cụ thể. Phương thức Phủ định nói chung và Phủ định siêu ngôn ngữ nói riêng là hành vi ngôn ngữ phổ quát được nghiên cứu và thảo luận trên nhiều cứ liệu ngôn ngữ khác nhau, cho thấy những giá trị chức năng của những phương tiện đặc thù trong từng ngôn ngữ.

Ý nghĩa khoa học của đề tài là góp phần củng cố những lý thuyết về Hành vi ngôn ngữ, gợi mở những tương đồng và khác biệt giữa hiện tượng Phủ định và Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt, giữa Phủ định miêu tả và Phủ định siêu ngôn ngữ, giữa Phủ định tương phản và Phủ định siêu ngôn ngữ.

Ý nghĩa thực tiễn của đề tài là góp phần giải thích và khai thác làm rõ những hành vi trong ngôn ngữ tự nhiên của tiếng Việt, giúp giải thích các trường hợp mơ hồ cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng của những hành vi phủ định trong tiếng Việt. Từ những nghiên cứu cụ thể trong đề tài, chúng tôi sẽ áp dụng chúng vào việc giảng dạy tiếng Việt và ngôn ngữ học trong nhà trường.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ THUYẾT

#### ***1.1. Phủ định siêu ngôn ngữ***

##### **1.1.1. Định nghĩa**

Theo từ điển *Bách khoa toàn thư về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học* (The Encyclopedia of Language and Linguistics) của Ron Asher (1994, vol3, 2769-2774) thì phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên nó đa dạng và phức tạp hơn nhiều so với phủ định trong logic hay trong toán học. Trong đó, phủ định trần thuật (declarative negation) được hiểu là loại chỉ ra tính chân thực của sự tình trong câu, nó khác với sự cảm đoán (không chỉ ra tính chân thực của sự tình, mà chỉ ngăn chặn quan niệm về sự tình). Cũng trong công trình này, câu phủ định được xác định là thường xuyên “*used to correct state of affairs assumed by the speaker to be either shared knowledge or to represent the commonest ones to be expected in the context*” (câu phủ định thường xuyên được sử dụng để điều chỉnh sự tình mà người nói giả định để chia sẻ sự nhận biết hoặc để thể hiện những điều chung nhất được mong đợi trong ngữ cảnh), và đó cũng là lý do câu phủ định không thường được dùng để giới thiệu một mệnh đề hay đối tượng sở chỉ mới.

##### ***1.1.2. Phân loại Phủ định siêu ngôn ngữ***

Horn (1985,1989); cho rằng phủ định có thể được sử dụng cả cho từ chối/ bác bỏ chân trị của một mệnh đề lẫn bác bỏ (một cách khéo léo) sự xác định của một phát ngôn. Ông đã đưa ra định nghĩa: “*Phủ định siêu*

ngôn ngữ là một công cụ để từ chối một phát ngôn phía trước trên bất kỳ một cơ sở nào, người nói sử dụng phủ định để đánh dấu sự không mong muốn của anh/ cô ấy về sự xác định hoặc chấp nhận việc khẳng định của người khác, ...; phủ định siêu ngôn ngữ không tập trung vào chân trị hay lời nói dối của một mệnh đề, mà là tính xác định của một phát ngôn” (Horn 1989, 363).

### **1.1.3. Đặc trưng của phủ định siêu ngôn ngữ**

#### ***1.1.3.1. Mơ hồ ngữ dụng***

Mơ hồ ngữ dụng (pragmatic ambiguity) là một khái niệm để chỉ việc chúng ta có hai cách hiểu cho cùng một câu. Quan điểm của nhiều nhà ngữ dụng học như Grice (1976, 1975) và Horn (1985, 1989) dựa vào sự mơ hồ của các vị từ thang độ (scalar predication). Horn có nói rằng ông tiếp thu và kế thừa khái niệm này từ Donnellan (1966).

#### ***1.1.3.2. Chân trị (Truth) và Tính xác định (Assertability)***

Horn (1985, 1989) đã rất quan tâm phân biệt hai phạm trù chân trị của mệnh đề (the truth of proposition) và tính xác định của câu hay sự tình (the assertability of a statement or sentence/utterance). Grice (1967) đã nhận định rằng phủ định hoặc là có hiệu lực về chân trị hoặc là tính xác định. Chính sự lựa chọn cách sử dụng sẽ tác động tới người nói sẽ phản bác hay từ chối hình thức phủ định trong hội thoại.

#### ***1.1.3.3. Đặc điểm nhận diện***

Đã có nhiều nhà ngữ dụng đặt trọng tâm đối tượng nghiên cứu là xác định các đặc điểm của phủ định siêu ngôn ngữ. Sau khi xác định được khái niệm phủ định siêu ngôn ngữ, thì việc nhận diện những trường hợp nào là phủ định siêu ngôn ngữ và đâu là phủ định miêu tả là tối quan trọng.

### **1.2. Phủ định ngôn ngữ, phủ định logic và sự tương phản**

Thuật ngữ hình vuông logic thường được nhắc tới trong các công trình logic-ngôn ngữ, trong Việt ngữ học chúng ta phải kể tới Nguyễn Đức Dân (1987, 37) và công trình khác của ông năm (1996,77).

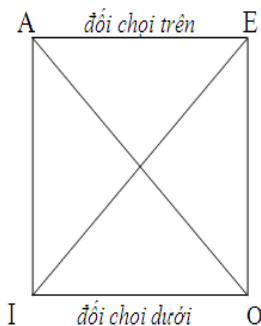
Không ít người thường lầm lẫn giữa hình thức phủ định của một câu với sự phủ định nội dung logic của câu đó. Sự lầm lẫn này đặc biệt hay xảy ra với những câu chủ ngữ có yếu tố được lượng hóa. Đó là những câu liên quan tới phán đoán khẳng định chung và riêng, phủ định chung và riêng. Trong công trình [1996, 77], Nguyễn Đức Dân cũng đã nêu lại vấn đề logic cổ điển có 4 loại phán đoán A, I, E, O tạo thành một hình vuông logic AEIO (ở mục trên chúng tôi cũng đã giới thiệu) (hình 3.3). Hình vuông này chỉ ra một số phép suy luận logic. Trong đó có “những câu ở



hai đầu mỗi đường chéo có quan hệ phủ định lẫn nhau”. Nghĩa là  $\sim A = O$ ,  $\sim O = A$ ,  $\sim E = I$  và  $\sim I = E$ .

Giữa chúng có những quan hệ sau:

hình 3.3



(5) A [khẳng định chung] = Mọi thứ đều còn.

(6) I [khẳng định riêng] = Một số thứ còn.

(7) E [phủ định chung] = Mọi thứ đều không còn. ( $\approx$  Không

thứ gì còn.)

8) O [phủ định riêng] = Một số thứ không còn.

### 1.3. Các vấn đề ngữ dụng trong phủ định siêu ngôn ngữ

#### 1.3.1. Hàm ý quy ước, hàm ý hội thoại, hàm ý thang độ

Hàm ý (hay ngụ ý) là điều mà những nhà nghiên cứu ngữ dụng nhắc tới khi xem xét giá trị của các phát ngôn khi hành chức. Hàm ý trong phủ định siêu ngôn ngữ được quan tâm phân tích từ nhiều tác giả, hầu như các công trình nghiên cứu về MN đều bàn tới khía cạnh hàm ý của phát ngôn.

#### 1.3.2. Nguyên lý cộng tác và Phương châm hội thoại

Nguyên lý cộng tác và *Phương châm hội thoại* (PCHT) là khái niệm thường đi kèm khi nói tới *Hàm ý hội thoại* theo quan điểm của Grice (1975) xuất hiện trong công trình “logic và sự hội thoại”. Nguyên lý cộng tác (Cooperative Principle) được Grice (1975) xác định bởi một nguyên lý khái quát và 4 tiểu nguyên lý và 4 phương châm.

#### 1.3.3. Hành vi ngôn ngữ

Hành vi ngôn ngữ là khái niệm kinh điển mà J.Austin (1962) là người sáng lập, sau này có sự bổ sung của Searle (1969). Phạm trù này được bàn tới rất nhiều trong các công trình về ngữ dụng học. Trong luận án này, chúng tôi áp dụng lý thuyết về hành vi ngôn ngữ khi phân tích các chiều kích dụng học của các câu phủ định siêu ngôn ngữ, làm rõ những cấu trúc ngôn ngữ cấu thành các cấu trúc trừu tượng trong tiếng Việt, xem xét chức năng hành vi ẩn chứa trong đó.

### **1.3.4. Lý thuyết quan yếu (Relevance theory)**

Lý thuyết quan yếu (hay lý thuyết quan hệ) là một khái niệm được Sperber và Wilson (1986) đề cập tới các chức năng về nghĩa dụng học (pragmatic meaning) của các phát ngôn. Lý thuyết này được xem là sự bổ sung cho Nguyên lý hội thoại của Grice và lý thuyết về hành động lời nói của Austin.

### **1.3.5. Lời chỉnh sửa (repair) trong hội thoại**

Lời chỉnh sửa (repair) trong hội thoại là vấn đề đã được nghiên cứu từ lâu trên thế giới, kinh điển là công trình của Schegloff, Jefferson & Sacks (1977) “The preference for self-correction in the organization of repair in conversation” (Sự ưa thích của hành động tự chỉnh sửa trong tổ chức của lời chỉnh sửa hội thoại). Trong những nghiên cứu về dụng học Việt ngữ gần đây, chúng ta thấy có một số thành tựu đáng ghi nhận về lời chỉnh sửa (repair) trong hội thoại. Có thể kể tới Trần Thuỳ An (2022) với các công bố “Lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt”. Điều cốt yếu của vấn đề “lời chỉnh sửa” là vai trò khi phân tích hội thoại, ta sẽ xem xét các cơ chế hoạt động hội thoại để xử lý các vấn đề nảy sinh khi tương tác giữa người nói và người nghe; nhằm đảm bảo những người tham thoại có thể thông đạt lẫn nhau. Cơ chế này được dùng với mục đích để giải thích, sửa chữa, làm rõ các sự cố nảy sinh khi tương tác hội thoại.

## **1.4. Các vấn đề về phương diện biểu đạt phủ định siêu ngôn ngữ**

### **1.4.1. Nói vọng**

Theo *Bách khoa toàn thư về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học* (The Encyclopedia of Language and Linguistics) của Ron Asher chủ biên (1994, vol3, 1084-1085), khái niệm “phát ngôn nói vọng” (echo utterance) và “nói nhại” (echolalia) đã được đề cập tới rõ ràng. Theo đó, khái niệm phát ngôn nói vọng được định nghĩa như sau: “*Phát ngôn nói vọng có thể được xác định rõ đặc điểm như những phát ngôn lặp lại một phần hoặc*

toàn bộ phát ngôn của người khác. Nó được thừa nhận có hiệu lực ngôn ngữ trung là nghi vấn (đôi khi là biểu cảm) và vì thế chúng hầu hết được xem như một loại câu hỏi đặc biệt. Phát ngôn nói vọng biểu hiện một cách dùng **siêu ngôn ngữ của ngôn ngữ** (giống như lời nói trực tiếp) cho sự giới thiệu phát ngôn của người khác với diễn ngôn của người nói theo hướng phát ngôn khác (xem siêu ngữ dụng)”.

### 1.4.2. Quán ngữ

Nguyễn Đức Dân (2017, 12), đã nghiên cứu rất kỹ về “Từ hư: Tác từ tạo nghĩa trong tiếng Việt” có định nghĩa quán ngữ từ những CTTT (cấu trúc trù tượng). Trong công trình này, tác giả đã nhận định rằng “trong tiếng Việt có những cấu trúc trù tượng độc lập với ngữ cảnh và mang những nghĩa xác định. Ở những kiểu câu nhất định thì có những kiểu hàm ý nhất định mà chúng ta có thể khái quát thành sơ đồ. Sơ đồ này là cấu trúc trù tượng... Những CTTT là những **cấu trúc siêu ngôn ngữ**.” Theo đó, các quán ngữ (habitual collocation) được định nghĩa là “*Những cụm từ được dùng lặp đi lặp lại trong các loại văn bản để liên kết, đưa đẩy, rào đón hoặc nhấn mạnh nội dung cần diễn đạt nào đó. Mỗi phong cách thường có những quán ngữ riêng [...]*”. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh “*có những CTTT một khi bỏ đi các yếu tố trống nghĩa, những từ hư còn lại kết hợp với nhau thành quán ngữ, mỗi quán ngữ này làm nên lược đồ nghĩa của một CTTT*”. Ta có thể gặp rất nhiều những CTTT là quán ngữ như vậy trong tiếng Việt “A đấy chứ/ A chứ bộ”, “Và lại A”, “Hơn nữa A”, “Thì ra A”, “có điều A”...

### 1.4.3. Điểm nhấn (*Focus*)

Thuật ngữ **Điểm nhấn** (*Focus*) cùng với Cơ sở/ Nền (Background) - Cái cho sẵn (Givenness) và Đề (Topic) là những định nghĩa cơ bản trong phạm trù IS. Điểm nhấn được coi là trung tâm đầu mối của một loạt các hiện tượng ngữ nghĩa và ngữ dụng trong lý thuyết IS. Và một hiểu biết vững vàng về Điểm nhấn sẽ chỉ dẫn tới những thấu hiểu sâu sắc về các địa hạt phức tạp trong IS. Jackendoff (1972, 230) đã cho rằng Điểm nhấn thông tin của câu là “*phần thông tin trong câu mà người nói giả định rằng nó không được người nói và người nghe cùng chia sẻ*”, hay cũng chính là phần thông tin chênh lệch giữa người cung cấp và người tiếp nhận.

## 1.5. Phủ định kép

Phủ định kép là một khái niệm logic. Thuật ngữ *câu phủ định kép* (*double negative sentence*) lần đầu tiên được tác giả Nguyễn Đức Dân nhắc tới ở mục III, (trang 260 - 269), chương X, quyển *Lôgich - ngữ nghĩa - cú pháp* (1987), sau đó được viết lại trong mục II (trang 260 - 271), chương XII, quyển *Lôgich và tiếng Việt* (1996). Tác giả đã tập trung làm rõ và phân tích mối tương quan giữa logic, tình thái, câu phủ định và câu bác bỏ, qua các dạng thức thể hiện sự phủ định kép trong tiếng Việt.

### 1.6. Câu bác bỏ và câu chất vấn – bác bỏ

**Bác bỏ** theo “Từ điển tiếng Việt” của Hoàng Phê: *bác* là gạt bỏ bằng lý lẽ quan điểm, ý kiến của người khác. *Bác luận điều vu cáo* (tr.24); còn *bỏ* là không giữ lại, coi là đối với mình không có giá trị, không có tác dụng (3, tr.71). Cũng theo công trình trên, *bác bỏ* là *bác đi, gạt đi, không chấp nhận, ví dụ như bác bỏ ý kiến* (tr.24).

**Bác bỏ** trong nghiên cứu về tiếng Việt, đã bắt đầu được đề cập đến trong tạp chí Ngôn ngữ (1983, số 1) với công trình “Phủ định và bác bỏ” của Nguyễn Đức Dân. Trong công trình “Lô-gích, ngữ nghĩa, cú pháp” năm 1987, tác giả đã tiếp tục đi sâu sự phân biệt này với mục 3 (chương X, phần III). Trong nghiên cứu mới nhất trên tạp chí Ngôn ngữ (2022, số 5) có tên “Phủ định ngôn ngữ, phủ định logic và câu bác bỏ”, chúng tôi đã minh định các khái niệm câu bác bỏ, đặc điểm của câu bác bỏ, cũng như hình thức của câu bác bỏ. Theo đó, chúng tôi có nhận định rằng, bác bỏ không nhất thiết phải có hình thức câu phủ định, vì thế “phủ định bác bỏ” có thể nói tắt là “bác bỏ”, nhưng “bác bỏ” thì không thể đồng nhất là “phủ định bác bỏ”. Điều này tương đồng với sự minh định giữa hai khái niệm mà chúng tôi trình bày ở mục sau.

### 1.7. Về điều chỉnh trong phủ định siêu ngôn ngữ

Điều quan trọng bên cạnh việc xác định và phân biệt phủ định siêu ngôn ngữ và bác bỏ là vấn đề về sự có mặt hay vắng mặt của những thành tố ngôn ngữ theo sau (phần mở rộng hay một sự điều chỉnh cần thiết đứng ngay sau một câu biểu đạt siêu ngôn ngữ). Horn (1989, 403) thì đề xuất sự bắt buộc có mặt của thành phần hiệu chỉnh này.

**1.8. Tiểu kết:** Trong chương 1, chúng tôi đã trình bày cơ sở lý luận của luận án: những khái niệm cơ bản về phủ định siêu ngôn ngữ, phân loại phủ định, đặc trưng phủ định siêu ngôn ngữ; và đồng thời cũng làm rõ các khái niệm trong sự đối lập với phủ định ngôn ngữ, phủ định logic, đối lập/

tương phản. Những khái niệm cơ bản của ngữ dụng học như hàm ý, phương châm hội thoại, hành vi ngôn ngữ, lý thuyết quan yếu cũng được trình bày với giá trị cơ sở cho những phân tích dụng học của chương sau.

## CHƯƠNG 2

### CÁC PHƯƠNG DIỆN BIỂU ĐẠT CỦA PHỦ ĐỊNH SIÊU NGÔN NGỮ

#### TRONG TIẾNG VIỆT

#### 2.1. Phủ định siêu ngôn ngữ và phát ngôn “nói vọng” trong tiếng Việt

##### 2.1.1. Câu nói vọng

Trong tiếng Việt, khi người nói thực hiện phát ngôn nói vọng, SP2 *lặp lại hoàn toàn hoặc một phần phát ngôn* của SP1, thì nó có thể được biểu hiện dưới đường nét ngôn điệu tương phản đặc trưng, cũng có điểm nhấn (focus) tương phản tương ứng với phần đã xuất hiện trong phát ngôn trước đó. Rõ ràng, xét theo bản chất của siêu ngôn ngữ như đã trình bày, đây là một phương tiện biểu đạt hành vi phản ứng mang tính từ chối, phủ nhận, bác bỏ, và cả biểu đạt tính tình thái, theo đúng tinh thần “I object to U” mà Horn đã đưa ra.

Trong công trình tiêu biểu của Robyn Carston (1994, 333), bà đã trình bày rất rõ một đặc trưng/ thuộc tính cần yếu của phủ định siêu ngôn ngữ - cách dùng nói vọng ngầm ẩn như sau: “thuộc tính quan yếu của phủ định siêu ngôn ngữ: sự biểu hiện (hoặc một phần biểu hiện của nó) rơi vào phạm vi tác động của tác tử phủ định là cách nói vọng ngầm ẩn”. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Inés Olza (2017, chapter2) lại cung cấp thông tin về hoạt động của nói vọng hiển ngôn, đó là khi trong lượt người nói hỏi đáp từ chối phát ngôn trước thì nó chuyển tải sự nhắc lại hiển ngôn (explicit repetition), lúc này phủ định siêu ngôn ngữ sẽ được hiểu như một cơ chế có một phạm vi rộng có thể xảy ra trên cả bình diện ngôn ngữ học và ngữ dụng học của phát ngôn từ chối.

##### 2.1.2. Câu hỏi vọng (echo question)

Theo *Bách khoa toàn thư về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học* (The Encyclopedia of Language and Linguistics) của Ron Asher (1994, vol3, 1084-1085), câu hỏi vọng - “**echo question**” (**EQ**) là loại phát ngôn nói vọng phổ biến nhất, một câu hỏi vọng thường lặp lại một phát ngôn trước đó và yêu cầu sự nhắc lại hoặc sự xác định thông tin. Câu hỏi vọng có thể mang thuộc tính như là những phát ngôn ám chỉ đến phát ngôn khác, có nghĩa là, như là những phát ngôn siêu ngôn ngữ. Bản chất siêu ngôn ngữ của câu hỏi vọng thường được tạo theo cách hiển ngôn bởi một tiêu cú bổ sung.

Theo nghiên cứu của Eun-ju Noh (1998) “A pragmatic approach to echo questions”, ở đây dưới quan điểm của lý thuyết quan yếu (Relevance Theory), bà đã đưa ra một số đặc trưng của câu hỏi vọng như sau:

- (a) Chúng vọng lại/ lặp lại những gì đã nói.
- (b) Chúng thuật lại phát ngôn phía trước trong ngữ cảnh diễn ngôn.
- (c) Chúng khác với câu hỏi thường ở chỗ chúng được dùng để hỏi những từ đã được hoàn toàn phát âm ra trong phát ngôn phía trước hơn là nội dung của phát ngôn đó.

Trong tiếng Việt, câu hỏi vọng là một phương thức có biểu hiện là câu chất vấn – bác bỏ lại chính thông tin ngôn ngữ của phát ngôn trước. Với mục đích chất vấn để bác bỏ lại thành phần thông tin trong phát ngôn trước, câu hỏi vọng tiếng Việt đã dùng chính thành phần đó đặt câu hỏi tạo ra hàm ý về sự phủ định.

## 2.2. **Phủ định siêu ngôn ngữ và quán ngữ tiếng Việt**

Đã có nhiều nghiên cứu phân tích và chứng minh mối tương quan giữa cách dùng các quán ngữ (thuật ngữ các công bố quốc tế sử dụng là “idiom expression”, chúng tôi chọn thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt là quán ngữ) với phủ định siêu ngôn ngữ.

Nguyễn Đức Dân trong “Lôgic và tiếng Việt” (bản 2019, 328) đã có nhận định rằng “có những lời người nói thực hiện một hành vi ngôn ngữ nào đấy trở thành những khuôn ngôn ngữ xác định, cho phép tính lược tới mức tối đa các từ mang nội dung cụ thể. Lâu dần những khuôn này trở thành những **quán ngữ**, dù nó không chứa những nội dung cụ thể, dù không đặt trong một ngữ cảnh cụ thể thì người nghe vẫn nhận ra đó là hành vi ngôn ngữ gì”.

## 2.3. Câu bác bỏ - câu chất vấn trong phủ định siêu ngôn ngữ

### 2.3.1. Bác bỏ trực tiếp

Có những khuôn ngôn ngữ thể hiện hành vi bác bỏ trực tiếp. Để bác bỏ A có những khuôn như: “B thì *cố*”; “B *chứ*”; “B *chứ bộ*”; “A gì mà A” và những câu có từ *chứ*, *mà* đặt trong những tình huống thích hợp. Dùng từ *thì* để nói đây: [chuyện chù chê khi rằng hôi//Khi mới trả lời ] cả họ mà (thì) thơm]. Như vậy “Còn các bà thì đẹp” có thể là lời *nói đây* nhưng “Còn cô Ba thì *lại* đẹp” lại là lời khẳng định. Trong tiếng Việt, để thực hiện hành vi phủ định siêu ngôn ngữ ( $\approx$  bác bỏ) trực tiếp thì người tham thoại đã dùng các khuôn có từ phiếm định, chẳng hạn như “A gì” “A mà” “A đâu mà” v.v. hoặc dùng các khuôn ngôn ngữ.

### 2.3.2. Bác bỏ gián tiếp (chất vấn – bác bỏ)

Ngoài cách phủ định trực tiếp, Nguyễn Đức Dân đã nhấn mạnh “*Bác bỏ là một hành vi phái sinh của một hành vi khác. Đó là một hành vi ngôn ngữ gián tiếp, được tạo thành từ các hành vi tại lời chất vấn, từ chối, thanh minh...*” [1987, 291]. Phổ biến nhất từ hành vi chất vấn. Nguyễn Đức Dân cũng cho rằng “từ chối không đồng nhất với bác bỏ”, bác bỏ theo phương thức chất vấn là một lối nói mềm mỏng, nhẹ nhàng hơn lối phủ định trực tiếp. Nghe lời từ chối gián tiếp “Tôi nói sao được?” không bị sốc bằng lời từ chối trực tiếp “Tôi không nói đâu”. Có những khuôn chất vấn-bác bỏ. Người Việt rất hay dùng cách *chất vấn* để bác bỏ gián tiếp, tạo ra những câu phủ định siêu ngôn ngữ.

## 2.4. Các phương diện ngữ dụng của phủ định siêu ngôn ngữ tiếng Việt

### 2.4.1. Bác bỏ tiền giả định

Trong công trình năm (2021, 5/TCNN), chúng tôi đã nhấn mạnh rằng “*Người ta bác bỏ tất cả những gì mình thấy sai, từ hiển ngôn tới hàm ngôn, từ toàn cục tới từng chi tiết*”. Người ta bác bỏ vì thấy một câu không đúng hoặc không đáp ứng những điều kiện cần dùng chuẩn cho câu đó. Một câu có TGD sai sẽ trở thành vô lý, vô nghĩa. TGD đó liền bị bác bỏ.

### 2.4.2. *Phủ định siêu ngôn ngữ cách dùng từ*

Horn (1985, 1989) đã nhấn mạnh rằng “sự phản đối phát ngôn phía trước diễn ra trên bất kì một cơ sở nào”, từ đó các phủ định siêu ngôn ngữ có thể diễn ra trong phạm vi của phát âm ngữ âm học (“phonetic representation”) và hình thái biến đổi từ (“inflectional morphology in to logical form”), mà sau này trong nghiên cứu của mình Bart Geurt (1998) lại gọi đó là “denial form”.

### 2.4.3. *Phủ định siêu ngôn ngữ hàm ý*

Trong khi phân biệt phủ định miêu tả và phủ định siêu ngôn ngữ, để làm rõ những mơ hồ ngữ nghĩa và mơ hồ ngữ dụng, Horn (1985) đã trình bày và phân tích kĩ về các nhóm hiện tượng “conversational implicatum” (hàm ý hội thoại) và “the scalar cases” (trường hợp thang độ). Trong khi đó, Bart Geurts (1998) lại dùng là “implicature denial” (bác bỏ hàm ý).

#### 2.4.4. *Lời chỉnh sửa (repair) hội thoại*

Lời chỉnh sửa (repair) hội thoại được chúng tôi áp dụng để phân tích phủ định siêu ngôn ngữ dựa trên các thành tố là nguồn sự cố, khởi xướng sự cố và hành động chỉnh sửa. Cụ thể, chúng tôi sẽ xác định kiểu loại lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng hay người nghe khởi xướng trong các hội thoại. Đặc biệt, chúng tôi sẽ làm rõ hành động chỉnh sửa sẽ là các chiến lược giao tiếp thú vị trong tiếng Việt.

**2.5. Tiểu kết:** Chương hai là chương trình bày kết quả nghiên cứu, một nghiên cứu với mục đích xác định những phương tiện biểu đạt hành vi phủ định siêu ngôn ngữ đặc trưng trong tiếng Việt. Trong hành chức ngôn ngữ tự nhiên, cả phát ngôn nói vọng và các quán ngữ tiếng Việt đều có những giá trị riêng để thể hiện chức năng siêu ngôn ngữ.

## CHƯƠNG 3

### PHỦ ĐỊNH KÉP VÀ PHỦ ĐỊNH KÉP SIÊU NGÔN NGỮ, TÁC TỬ SIÊU NGÔN NGỮ TRONG TIẾNG VIỆT

#### 3.1. *Phủ định kép và phủ định kép tiếng Việt*

##### 3.1.1. *Phủ định kép*

Thuật ngữ phủ định kép (Double Negation – DN) được nghiên cứu từ lâu, truyền thống logic học dùng thuật ngữ “Duplex Negatio Affirmat”. Phủ định kép là một hiện tượng phổ quát ở nhiều ngôn ngữ trên thế giới,



Otto Jespersen (1939) đã từng nhận định rằng dường như tất cả các ngôn ngữ đều có một quy luật chung, đó là cứ hai thành tố phủ định thì tạo nên một thể khẳng định. Về cơ bản, khi các học giả đứng trên lập trường logic thì đều nhìn nhận “phủ định cộng với phủ định là một sự xác nhận”.

### 3.1.2. Phủ định kép trong tiếng Việt

Trong quá trình tiếp cận câu phủ định, chúng tôi đặc biệt nhận thấy có một hiện tượng không được đưa vào các cặp phân loại như trên, đó là *câu phủ định kép* (*double negative sentence*) hay *câu phủ định của phủ định*. Câu phủ định kép được các nhà ngôn ngữ nhắc tới khi nghiên cứu địa hạt giữa logic và ngôn ngữ học.

### 3.2. Điểm nhấn và điểm nhấn phủ định siêu ngôn ngữ

#### Điểm nhấn phủ định siêu ngôn ngữ (Metalinguistic focus)

Horn (1989) đã phân biệt hai hiện tượng gọi là “*phủ định logic*” và “*phủ định siêu ngôn ngữ*” trong công trình *A nature history of negation*. Sau này, trong các nghiên cứu phủ định, các nhà ngữ học đã dùng cặp “*phủ định miêu tả*” và “*phủ định siêu ngôn ngữ*”.

### 3.3. Phạm vi tác động của tác tử phủ định

#### 3.3.1. Phạm vi tác động (scope)

Phạm vi tác động (scope) là khái niệm của cú pháp, thường chúng hoạt động do tầm ảnh hưởng của một đơn vị ngôn ngữ lên cấu trúc ngữ pháp chứa nó. Phạm vi tác động rộng (wide scope) hay phạm vi tác động hẹp (narrow scope) là do vị trí cú pháp của đơn vị ngôn ngữ đó. Dĩ nhiên, một vùng được gọi là có phạm vi tác động thì đó là một vùng cú pháp - ngữ nghĩa có sự tương hợp chặt chẽ.

#### 3.3.2. Phạm vi tác động của phủ định (scope of negation)

Trong công trình *Negation*, Matti Miestamo (2017) nhận định rằng các ngôn ngữ có nhiều cách khác nhau để biểu diễn phạm vi tác động của phủ định, và giới hạn nó với những thành tố đặc thù. Ông cho rằng điều này liên hệ rất gần với đánh dấu điểm nhấn trong một ngôn ngữ: phủ định có xu hướng tương tác với điểm nhấn, và khi một thành tố được điểm nhấn hoá xuất hiện trong một sự phủ định, kết quả là thường có một phạm vi hẹp với thành tố được điểm nhấn hoá đơn độc trong phạm vi của phủ định. Sự kết hợp giữa phủ định và điểm nhấn có nhiều vấn đề nảy sinh: trong điểm nhấn lệ thuộc vào vị trí phủ định, phủ định tố đóng tại vị trí có liên

quan tới thành tố trong tiêu điểm, trong khi đó trong vị từ lệ thuộc vị trí phủ định, phủ định tố được đặt ở vị trí có liên quan tới vị từ và điểm nhấn được biểu hiện theo những cách khác, chẳng hạn như với sự điệu tính hay các trợ từ điểm nhấn. Khi bàn đến vấn đề kết hợp của điểm nhấn trong câu phủ định, chúng tôi chú ý tới hiện tượng thành tố điểm nhấn sẽ mơ hồ (ambiguity) với phủ định, đây cũng là điều mà Jackendoff (1972) đã từng đề cập tới.

### 3.3.3. Chỉ tố đánh dấu điểm nhấn phủ định

#### 3.3.1. “*Không phải*”:

Đây vốn là một tác tử phủ định trong logic. Vị trí của nó là đặt trước một mệnh đề. Trong trường hợp này, “*không phải*” là yếu tố tác tử *siêu ngôn ngữ*. Còn “*không*” là tác tử phủ định ngôn ngữ, vị trí của nó đặt trước một từ.

Ví dụ:

{68} Có quan hệ đồng nhất “A là B”. Khi cần phủ định nó thì sử dụng (1) “*Không phải A là B*”, nhưng không thể sử dụng “\**Không A là B*”.

{69} Có sự tình S = “*Ba mua chiếc áo này ở Huế*”. Phủ định nó thì sử dụng (2) “**Không phải** *Ba mua chiếc áo này ở Huế*”, nhưng không thể sử dụng “\**Không Ba mua chiếc áo này ở Huế*”.

Nhưng “*không phải*” cũng là một cụm từ tiếng Việt, với cương vị này ta thấy có sự chuyển đổi vị trí để tạo ra điểm nhấn điểm nhấn (focus) như sau:

{70} *Không phải A là B* -> *A không phải là B*. Lúc này A trở thành điểm nhấn (focus).

{71} *Không phải NP – VP* -> *NP – không phải – VP*. Lúc này NP trở thành điểm nhấn (focus).

#### 3.3.2. *Không chỉ* (mà còn)

Trong các diễn ngôn quảng cáo, chúng tôi cũng thấy hiện tượng sự phủ định không có sự tương hợp với các điểm nhấn câu, dẫn đến hiện tượng mơ hồ ngữ nghĩa phủ định.

{73} **Không chỉ** [+Neg-M] [*LÀM SẠCH VÀ CHĂM SÓC*]**\_Foc**  
như kem đánh răng thông thường. (Quảng cáo kem đánh răng Ngọc Châu)

{73\*} **Không chỉ** [+Neg-M] làm sạch và chăm sóc [*NHƯ KEM ĐÁNH RĂNG THÔNG THƯỜNG*]**\_Foc**.

{74} POND'S MEN mới **không chỉ** [+Neg-M] [là sữa rửa mặt THÔNG THƯỜNG]\_Foc, chứa chiết xuất từ hạt cà phê, giúp da sáng, trông đầy năng lượng. (Quảng cáo POND'S MEN energy charge)

### 3.3.3. Tác tử phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt

Trong hoạt động hành chức cú pháp, các chỉ tố phủ định tiếng Việt sẽ thường kết hợp với các tiểu từ/ trợ từ để tạo ra những điểm nhấn và ngữ điểm nhấn. Từ nghiên cứu trước đây, nghiên cứu của chúng tôi đã tập trung phân tích bốn loại tiểu từ trong tiếng Việt đánh dấu điểm nhấn, nay chúng ta cũng chỉ ra sự tương tác của chúng với các chỉ tố phủ định.

## KẾT LUẬN

“Phủ định siêu ngôn ngữ trong tiếng Việt” là một nghiên cứu nhằm xác định giá trị hành vi của phủ định siêu ngôn ngữ có sự tương liên chặt chẽ với nghiên cứu về bác bỏ trong tiếng Việt. Từ đó, chúng tôi nhấn mạnh rằng hành vi bác bỏ trong các diễn ngôn đều có mang chức năng phủ định siêu ngôn ngữ. Một trong những điều quan trọng nhất về dụng học mà phủ định siêu ngôn ngữ biểu hiện trong phát ngôn là hành vi điều chỉnh.

Bác bỏ trực tiếp và chất vấn – bác bỏ là hai phương thức có thể tham gia trong phủ định siêu ngôn ngữ. Ngoài ra, đây cũng là những cơ chế đặc thù của tiếng Việt khi thực hiện hành vi “phản bác lại phát ngôn phía trước”, có thể thoả đáng cơ chế “I object to U” của Horn (1985) về siêu ngôn ngữ. Ngoài ra, khi xem xét kĩ các cơ chế bác bỏ, cần chú ý rằng các loại bác bỏ tiền giả định hay bác bỏ hàm ý, ta sẽ thấy chúng có đủ điều kiện để hoạt động trong phủ định siêu ngôn ngữ.

Trong hành chức ngôn ngữ tự nhiên, cả phát ngôn nói vọng và các quán ngữ tiếng Việt đều có những giá trị riêng để thể hiện chức năng siêu ngôn ngữ. Phát ngôn nói vọng có những giá trị hành chức đặc trưng trong phủ định siêu ngôn ngữ, nó có hai cách thức thường thấy là hàm ẩn (implicit) và hiển ngôn (explicit). Nói vọng hiển ngôn trong phủ định siêu ngôn ngữ là khi người dùng phản bác trực tiếp phần ngôn ngữ vọng lại kết hợp với các chỉ tố phủ định hay tác tử phủ định. Còn nói vọng ẩn là các dạng thường có suy nghĩ và thái độ của người nói thông qua biểu hiện là nói vọng.

Quán ngữ thì người Việt thường xuyên sử dụng các quán ngữ có chứa từ phiếm định để tạo hành vi phủ định và đặc biệt là các quán ngữ tự do (kết hợp tự do hoạt động như quán ngữ). Cách dùng quán ngữ trong

phủ định siêu ngôn ngữ là trực tiếp phủ định bác bỏ hay phản bác lại phát ngôn.

Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên việc tìm kiếm các mẫu câu phủ định trong thực tế ngôn ngữ tự nhiên của tiếng Việt (sách, báo, tác phẩm văn học, quảng cáo,...). Kết quả nghiên cứu là những đặc trưng khi sử dụng câu phủ định trong tiếng Việt với nhiều chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng; nhất là chức năng “siêu ngôn ngữ” của nó. Trong khi đó, điểm nhấn là một đơn vị thông tin có phạm vi hành chức và tương tác khác nhau với từng tác tử phủ định và vị trí cú pháp của nó trong câu. Vì thế, theo chúng tôi, mối quan hệ cú pháp – chức năng giữa điểm nhấn, phủ định và phạm vi tác động trong các khuôn câu trong bài này là những câu tiếng Việt tự nhiên và đặc trưng. Chúng ta có thể áp dụng các khuôn câu phủ định và phủ định siêu ngôn ngữ trong nghiên cứu hành vi ngôn ngữ ở cấp bậc diễn ngôn văn bản, hoặc lưu ý về cách sử dụng chúng trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.